TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/ DS-PT
Ngày: 05 - 01 -2023
V/v Tranh chấp Hợp đồng hùn vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 211/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng hùn vốn"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2022/DS-ST, ngày 15-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 211/2022/QĐXXPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 341/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Trương Thúc N, sinh năm 1981, nơi cư trú: Phường CA, thành phố CĐ, tỉnh AG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Quốc K, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Lâm Thanh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Lê Quang H, sinh năm 1993, nơi cư trú: Phường CA, thành phố CĐ, tỉnh AG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Ngọc C, Văn phòng Luật sư Nguyễn Trần, thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà Lê Lâm Phi Y, sinh năm 1986, nơi cư trú: Phường CA, thành phố CĐ, tỉnh AG.

Ông N, luật sư K, luật sư C có mặt; ông H vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt không lý do.

Người kháng cáo: ông Nguyễn Trương Thúc N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Trương Thúc N trình bày: Đầu năm 2017, ông H (em vợ ông) dựng nhà nghỉ tại đường Tân Lộ Kiều Lương, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, sau khi xây dựng xong phần thô, H hết tiền nên có đề nghị vợ chồng ông hùn vốn đầu tư để hoàn thiện các phần còn lại của nhà nghỉ. Vợ chồng ông đồng ý hùn vốn 02 (hai) tỷ đồng. Việc hùn vốn chỉ thỏa thuận với nhau bằng miệng, không có lập thành văn bản do là người trong gia đình. Vào tháng 7 năm 2017, vợ chồng ông giao trực tiếp 01 tỷ đồng tiền mặt cho ông H tại nhà của N, địa chỉ tại Phường CA, thành phố CĐ, tỉnh AG. Số tiền này ông mượn của ông Nguyễn Thanh D (1965-2019) 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), Nguyễn Duy T (con ông D) 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); số tiền còn lại 01 tỷ đồng do vợ chồng ông dành dụm có được, ông trực tiếp mua các vật tư, thiết bị, bao gồm: Mua vật tư gạch men, trang trí nội thất, tất cả các hệ thống cửa cuốn, cửa kéo, cửa kính, hệ thống điện, giường tủ … tổng cộng 913.537.000 đồng.

Sau khi nhà nghỉ hoàn tất, đi vào hoạt động vào năm 2018, ông giao cho vợ (bà Y) thỏa thuận phân chia việc hùn vốn với H (ông H là em ruột bà Y) trong thời hạn 01 năm, Y đứng tên trên giấy phép kinh doanh với tên gọi "nhà nghỉ Vạn Thành 1".

Tuy nhiên trong năm 2018, vợ chồng ông mâu thuẫn, nên phải ra tòa giải quyết ly hôn; quá trình giải quyết ly hôn, ông có yêu cầu Tòa án xem xét phần tiền hùn vốn này, tuy nhiên do cần có thời gian thu thập tài liệu chứng cứ nên ông đã rút lại yêu cầu này. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Lê Quang H trả lại số tiền vốn 02 tỷ đồng mà ông đưa ra hùn vốn đầu tư vào nhà nghỉ Vạn Thành 1.

Tài liệu chứng cứ ông N cung cấp gồm:

- Các biên lai hóa đơn mua hàng ngày 04/5/2017, 17/7/2017, 18/7/2017, 20/8/2017, 21/8/2017, 16/11/2017;

- Các biên lai cHển tiền ngày 21/8/2017, 06/11/2017, 15/11/2017, 16/11/2017, 28/11/2017;

- Chi phí công thợ, có giấy xác nhận của ông Võ Văn Quới, Đào Văn Cát, Công ty TNHH Trung Sơn, Nguyễn Tường Minh

- Tự khai của Phạm Thị Lụa, Trần Thị Thu Hiền, Trần Tuấn Thanh, Huỳnh Thanh Tuấn.

- Tờ tường trình của bà Lê Lâm Phi Y ngày 04/11/2020, do UBND phường Châu Phú A chứng thực chữ ký.

Bị đơn ông Lê Quang H trình bày: Vào năm 2016, ông mua 04 nền đất do Nhà nước bán đấu giá tại đường Tân Lộ Kiều Lương, nguồn tiền là của gia đình

cho ông. Ông có giấy phép xây dựng nhà nghỉ Vạn Thành ngày 24/3/2017 do UBND thành phố Châu Đốc cấp. Sau đó, ông xây dựng nhà nghỉ Vạn Thành 1. Do Nhà nước quy định mỗi người chỉ đứng 01 giấy phép kinh doanh và ông đang đứng tên trên 01 giấy phép kinh doanh tại số nhà phường CA, thành phố CĐ, tỉnh AG, nên ông để bà Lê Lâm Phi Y (chị ruột) đứng tên giấy phép kinh doanh nhà nghỉ Vạn Thành 1. Quá trình thi công, xây dựng nhà nghỉ Vạn Thành 1, có khi ông mua vật tư, có khi nhờ ông N mua dùm, do chỗ gia đình nên ông không quan tâm các hóa đơn chứng từ. Nay ông N cho rằng vợ chồng N có hùn vốn vào nhà nghỉ Vạn Thành 1 ông không đồng ý, vì thời điểm đó, ông N bà Y không có tiền sửa nhà, cha mẹ ông còn cho N, Y mượn tiền để sửa chữa, ông N bà Y còn phải đi vay tiền tại Ngân hàng Nông Nệp và phát triển nông thôn thành phố Châu Đốc. Ngoài ra, vì thấy hoàn cảnh chị ruột khó khăn, ông kêu Y tiếp ông trông coi nhà nghỉ, mỗi tháng ông trả lương cho Y từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng để Y nuôi các cháu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Lâm Phi Y trình bày: Năm 2017, bà và ông N có cùng ông H (em ruột bà) hùn vốn vào nhà nghỉ Vạn Thành 1 với số tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng. Bà và ông N trực tiếp đưa cho H 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, còn 1.000.000.000 (một tỷ) đồng N dùng vào việc mua vật tư, thiết bị, bao gồm: Mua vật tư gạch men, trang trí nội thất, tất cả các hệ thống cửa cuốn, cửa kéo, cửa kính, hệ thống điện, giường tủ … Nguồn tiền để hùn vốn là do bà và ông N tích cóp mà có (1 tỷ đồng), còn 1.000.000.000 đồng tiền mặt đưa cho H là do mượn của ông Nguyễn Thanh D và ông Nguyễn Duy T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thu thập chứng cứ:

- Xem xét tại chỗ đối với các vật tư, thiết bị theo các hóa đơn do ông N cung cấp.

- Quyết định đối chất giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về việc hùn vốn.

- Thu thập chứng cứ về Giấy phép kinh doanh do bà Lê Lâm Phi Y đứng tên; việc đăng ký và nộp thuế của bà Lê Lâm Phi Y.

- Ghi lời khai của các người làm chứng: Ông Huỳnh Thanh Tuấn, ông Đào Văn Cát, ông Nguyễn Tường Minh, ông Võ Văn Quới.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông H, bà Y đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được và đã xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2022/DS-ST, ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc đã xử:

Căn cứ các Điều 504, 505 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 244, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trương Thúc N yêu cầu ông Lê Quang H trả số tiền hùn vốn 910.853.000 đồng;

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trương Thúc N đối với số tiền 1.089.147.000 đồng

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông N phải chịu 39.326.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 36.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004102 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, ông N phải nộp thêm 3.326.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Quang H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 27/9/2022, ông Nguyễn Trương Thúc N kháng cáo: Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc ông Lê Quang H phải trả cho ông số tiền hùn vốn: 910.853.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu, không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

1. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm: Theo đơn khởi kiện ban đầu, ông N yêu cầu ông H trả 02 tỷ đồng, ông N cung cấp các hóa đơn, chứng từ mua vật tư, lời khai của người làm chứng. Tại phiên tòa hôm nay, ông N rút một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu ông H trả tiền hùn vốn đã đầu tư vào nhà nghỉ Vạn Thành 1, bao gồm tiền mua các vật tư, đồ trang trí nội thất... với số tiền là 910.853.000 đồng. Chứng minh cho yêu cầu, ông N có cung cấp các hóa đơn chứng từ và những người làm chứng nhận tiền mua hàng, công lắp đặt của ông N xác nhận, đồng thời những vật tư này cũng được Tòa án xem xét vào ngày 11/11/2021. Đồng thời, tại biên bản hoà giải ngày 06/6/2021, ông H khai có lúc ông H đi mua, nhưng do nhiều công việc nên ông có nhờ N mua dùm. Tại giấy đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 22/01/2018, bà Lê Lâm Phi Y đứng tên giấy phép kinh doanh. Do đó, có cơ sở xác định những hoá đơn, chứng từ ông N cung cấp là có thật, ông H không chứng minh được là đã trả lại số tiền cho ông N, không chứng minh được việc có đưa tiền cho ông N đi mua vật tư, hàng hóa, công thợ...

Thông báo thụ lý xác định quan hệ pháp luật hùn vốn và đòi tài sản.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, bởi các lý do sau đây:

+ Ông N cho rằng đưa 01 tỷ đồng vào giữa năm 2017 và vay tiền 01 tỷ đồng tháng 11, 12 năm 2017 để mua các vật dụng. Tuy nhiên, theo Điều 504 BLDS thì việc hùn vốn phải lập thành văn bản, ông N không chứng minh được có hùn vốn, ông H không thừa nhận. Nếu có hợp đồng hùn vốn phải ghi rõ nội dung: Ai hùn, các bên đóng góp như thế nào, quyền và nghĩa vụ của các bên, chia lời lỗ ra sao, nên không có căn cứ xác định có việc hùn vốn.

+ Ông N cho rằng giao số tiền 01 tỷ đồng cho H vào năm 2017 tại nhà N, tuy nhiên tại thời điểm này, giữa bà Y và ông N đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do

ông N có chơi cá độ bóng đá, bà Y tố cáo, nhưng ông N yêu cầu không tố cáo, nên không thể có sự đồng lòng vợ chồng giao tiền cho H mượn.

+ Theo bản án số 52 ngày 09/11/2019, ông N trình bày, ông biết bà Y còn số vốn 02 tỷ đồng là do ông đi trích lục hồ sơ thuế phát hiện rằng bà Y đứng tên trên nhà nghỉ Vạn Thành 1.

+ Số tiền 02 tỷ đồng, tại thời điểm đó ông N và Y nợ rất nhiều người. (liệt kê) cả cha mẹ ruột của ông N. Ngày 25/3/2022, ông T mới có văn bản xác nhận ông N nợ tiền.

+ 01 tỷ tiền mặt vay của ông T và ông D để mua vật tư trang trí nội thất, ông N cho rằng vay tháng 7 năm 2017, ông T xác định vay cuối năm 2017. Tại phiên tòa 03/8/2022, ông N khai số tiền mua vật liệu là ông vay của cha mẹ ruột ông N, sau đó ông N mới vay số tiền của ông T để trả lại cho cha mẹ ruột của ông N. Lời khai có mâu thuẫn nhau về nguồn tiền, nên không đủ căn cứ.

Nhà nghỉ Vạn Thành 1 hoàn thành tháng 11/2017 nhưng ông N xác nhận mượn tiền của ông T, ông D từ ngày 11/11/2017 đến tháng 12/2017 là không phù hợp tính thực tế.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc chấp hành pháp luật của đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Nhận thấy, ông N khởi kiện yêu cầu ông H trả lại số tiền góp vốn là 2.000.000.000đ, chứng cứ chứng minh là đưa trực tiếp tiền mặt 1.000.000.000đ, số tiền còn lại 1.000.000.000đ góp vốn bằng hình thức mua vật tư, trang thiết bị hoàn thiện nhà nghỉ Vạn Thành 1. Ông H không thừa nhận có việc ông N góp vốn, tiền mua trang thiết bị, vật tư là của ông đưa cho ông N; ông còn giúp chị ruột là bà Y vợ ông N quản lý nhà nghỉ, ông trả lương hàng tháng. Ông N có cung cấp các hóa đơn, chứng từ chứng minh có mua vật tư là nguồn tiền ông mượn và tiền tích góp. Qua xem xét, hồ sơ thể hiện trong vụ án ly hôn giữa ông N với bà Y thì nợ chung của vợ chồng: 2.127.975.000đ, trong đó có nợ H 60.000.000đ nhưng ông N không nại ra số tiền hùn 02 tỷ để bù trừ nghĩa vụ, mặt khác hồ sơ ly hôn cũng không thể hiện ông N, bà Y nợ ông D 800.000.000đ và nợ ông T 200.000.000đ nên lời trình bày của ông N, bà Y trước sau bất nhất, mâu thuẫn, không tHết phục.

Việc góp vốn giữa ông N với ông H không thể hiện bằng văn bản, ông N chỉ có lời khai, không chứng minh được thời hạn hạn góp vốn, số tiền các bên đóng góp, phương thức quản lý, quyền và nghĩa vụ các bên, tỷ lệ phân chia lợi nhuận khi kinh doanh, thời hạn hoàn vốn như thế nào,...phía ông H không thừa nhận, ông H đưa tiền nhờ ông N mua vật tư thiết bị, giúp bà Y quản lý nhà nghỉ để có tiền lương lo cho các cháu. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 504 Bộ luật dân sự 2015. Ông N kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới chứng minh có góp vốn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm

không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm, ông N phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trương Thúc N trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Ông Lê Quang H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Lê Lâm Phi Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục giải quyết vụ án.

[3]Xét kháng cáo của ông Nguyễn Trương Thúc N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông N khởi kiện yêu cầu ông H trả 2 tỷ đồng tiền hùn vốn để xây dựng nhà nghỉ Vạn Thành gồm 01 tỷ đồng tiền mặt (do ông N và vợ trực tiếp đưa cho H) và 01 tỷ đồng ông N dùng vào việc mua các vật tư, thiết bị đầu tư nhà nghỉ Vạn Thành. Ông H không thừa nhận việc ông N có góp vốn vào nhà nghỉ Vạn Thành 1.

[3.1] Xét thấy, nguyên đơn cho rằng có góp vốn vào nhà nghỉ Vạn Thành 1, nhưng việc góp vốn không có lập văn bản theo quy định tại Điều 504, 505 BLDS năm 2015; bị đơn không thừa nhận việc nguyên đơn có góp vốn. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, ông N cung cấp các biên lai hóa đơn mua hàng ngày 04/5/2017, 17/7/2017, 18/7/2017, 20/8/2017, 21/8/2017, 16/11/2017; Các biên lai cHển tiền ngày 21/8/2017, 06/11/2017, 15/11/2017, 16/11/2017, 28/11/2017; Các chi phí công thợ, có giấy xác nhận của ông Võ Văn Quới, Đào Văn Cát, Công ty TNHH Trung Sơn, Nguyễn Tường Minh; Tự khai của Phạm Thị Lụa, Trần Thị Thu Hiền, Trần Tuấn Thanh, Huỳnh Thanh Tuấn; Các giấy xác nhận thể hiện việc nguyên đơn có mượn tiền 1 tỷ đồng của ông T và ông D; Các hóa đơn chứng từ thể hiện mua các thiết bị, vật tư, đầu tư vào nhà nghỉ Vạn Thành. Tuy nhiên, ông N không cung cấp được chứng cứ chứng minh có việc góp vốn giữa ông với ông H, cũng không có ai biết rõ việc N có góp vốn với H vào nhà nghỉ Vạn Thành 1.

Theo Điều 504 Bộ luật Dân sự 2015 quy định:

1. Hợp đồng hợp tác là sự thỏa thuận giữa các cá nhân, pháp nhân về việc cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.

2. Hợp đồng hợp tác phải được lập thành văn bản.

Và Điều 505 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nội dung của hợp đồng hợp tác thì ông N cũng không chứng minh được có những nội dung cơ bản của thỏa thuận hợp tác giữa ông với ông H. Ông N không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh được việc thỏa thuận thời hạn hợp tác, tài sản đóng góp của mỗi người, phương thức phân chia, quyền và nghĩa vụ của các bên, tỷ lệ phân chia lời lãi khi kinh doanh, việc

đóng góp tài sản trước và sau khi đầu tư, việc hoàn vốn sau khi kết thúc việc hùn vốn, …từ thời điểm xây dựng Vạn Thành 1 khoảng tháng 11/2017 đến hoàn thành 4/2018 và đến thời điểm phát sinh tranh chấp 2019 là trên 02 năm, trường hợp có hùn vốn thì ông H và N phải xác định tổng vốn đầu tư, tỷ lệ góp vốn, kết toán lời lãi cũng như chịu trách nhiệm đối với khấu hao tài sản ra sao. Do đó, mặc dù ông N cung cấp các hóa đơn chứng từ thể hiện có mua vật tư thi công nhà nghỉ Vạn Thành 1, nhưng không chứng minh được có sự hùn vốn kinh doanh giữa N và H mà cấp sơ thẩm nhận định là phù hợp quy định pháp luật.

[3.2] Ngoài ra, về số tiền hùn vốn, ông N cho rằng góp 2 tỷ đồng đầu tư vào nhà nghỉ Vạn Thành một là do ông vay mượn của ông T và ông D 01 tỷ đồng (số tiền này ông trực tiếp đưa cho ông H tại nhà của ông N), số tiền còn lại 01 tỷ đồng là do vợ chồng ông tích cóp có được, số tiền này dùng mua các vật tư thiết bị đầu tư vào nhà nghỉ. Tại các biên bản hòa giải, lấy lời khai, đối chất được Tòa án thu thập trong vụ án ly hôn giữa bà Y với ông N thì Y xác định chỉ hỗ trợ H kê khai thuế để được trả công mỗi tháng 10.000.000đ. Thời điểm bà Y, ông N ly hôn được Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc thụ lý số: 394/2018/TLST- HNGĐ ngày 14/12/2018 và Tại Bản án hôn nhân và gia đình số: 52/2019/HNGĐ-ST ngày 19/11/2019 và Bản án phúc thẩm số: 15/2020/HNGĐ-PT ngày 30/6/2020 tại phần quyết định bản án đã xác định tổng nợ của ông bà 2.127.975.000đ, trong đó có nợ H: 60.000.000đ, nhưng ông N bà Y không kê khai khoản nợ Duy 800.000.000đ và nợ ông T 200.000.000đ nợ vay trong giai đoạn từ ngày 11/11/2017 đến ngày 30/12/2017.

[3.3] Mặt khác, lời khai của ông N về số tiền góp vốn trong quá trình giải quyết vụ án có sự bất nhất, cụ thể: tại bút lục 96, thì ông N thể hiện số tiền góp vốn 1.107.385.000đ, tại bản tự khai bút lục 124 thì số tiền: 913.537.002đ, đơn khởi kiện thì yêu cầu trả tiền hùn 02 tỷ, sau đó rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu trả tiền góp: 910.853.000 đồng, số tiền góp vốn thay đổi như vậy là không đúng bản chất của góp vốn, từ đó có căn cứ xác định không có thỏa thuận góp vốn giữa ông N với ông H như cấp sơ thẩm đã nhận định, ông N kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi của ông H và của Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa.

[4] Luật sư bên nguyên đơn cho rằng, tại cấp sơ thẩm có xác định quan hệ về đòi tài sản, ông N có cung cấp hóa đơn chứng cứ mua vật tư cho Nhà nghỉ Vạn Thành 1 nên chấp nhận việc đòi lại tiền.

Xét thấy, tại Thông báo thụ lý số: 243/TB-TLDS ngày 02/11/2020, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc có xác định quan hệ tranh chấp hùn vốn + đòi tài sản. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định có 01 quan hệ pháp luật là Hợp đồng hùn vốn được thể hiện tại phần trích yếu bản án và đầu án, nên cấp phúc thẩm không xem xét yêu cầu của Luật sư bảo vệ nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Trường hợp, ông N có căn cứ chứng minh ông có dùng tiền để mua vật tư cho nhà nghỉ Vạn Thành 1 thì ông có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

Các nội dung của Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông N không được chấp nhận, nên ông phải chịu án phúc thẩm quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trương Thúc N;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trương Thúc N yêu cầu ông Lê Quang H trả số tiền hùn vốn 910.853.000 đồng;

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trương Thúc N đối với số tiền 1.089.147.000 đồng

.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông N phải chịu 39.326.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 36.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004102 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, ông N phải nộp thêm 3.326.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông N phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đ trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002408 ngày 27/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Ông Lê Quang H không phải chịu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc;
- TAND TP. Châu Đốc;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Chí Keo